

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2025

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 920/QĐ-ĐHKTL ngày 14 tháng 4 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

1. Chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo:	Kế toán (Accounting)
Mã ngành đào tạo:	8340301
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Phương thức đào tạo:	Chương trình định hướng nghiên cứu
Thời gian đào tạo:	2 năm
Số tín chỉ yêu cầu:	60 tín chỉ (không bao gồm tín chỉ ngoại ngữ)
Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:	Thạc sĩ Kế toán (Master of Economics in Accounting)
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt
Địa điểm đào tạo:	Trường Đại học Kinh tế - Luật, số 669 Đỗ Mười, Khu Phố 6, Phường Linh Xuân, TP Thủ Đức, TP HCM; Trường Chính sách công và Phát triển Nông thôn, số 45 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM.

2. Yêu cầu đối với người học

2.1 Phương thức tuyển sinh

Phương thức: Xét tuyển theo hình thức đánh giá năng lực đầu vào.

2.2 Đối tượng và điều kiện tuyển sinh

Yêu cầu đối với người dự tuyển trình độ thạc sĩ:

a) Người dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.

Người dự tuyển là người tham gia chương trình liên thông từ trình độ đại học lên trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

b) Người dự tuyển có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Trường hợp người dự tuyển chưa đáp ứng năng lực ngoại ngữ được quy định tại khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ và các điều kiện khác do Trường Đại học Kinh tế - Luật quy định trong Đề án tuyển sinh hằng năm, thì thực hiện đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào theo quy định.

Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định.

c) Người dự tuyển đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

2.3 Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh, quy mô đào tạo

Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh: 30

Quy mô đào tạo: 46

2.4. Danh mục ngành phù hợp/Học bổ sung kiến thức

Danh mục ngành tốt nghiệp đại học phù hợp, bao gồm các nhóm ngành: 73401 Kinh doanh; 73402 Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm; 73403 Kế toán - Kiểm toán; 73404 Quản trị - Quản lý.

Danh mục ngành cần bổ sung kiến thức, bao gồm các nhóm ngành: 73101 Kinh tế học; 73102 Khoa học chính trị; 74601 Toán học; 74602 Thống kê; 74801 Máy tính; 74802 Công nghệ thông tin; 75106 Quản lý công nghiệp.

Danh mục môn học bổ sung kiến thức bao gồm: Kinh tế vi mô (2 tín chỉ); Kinh tế vĩ mô (2 tín chỉ); Kế toán tài chính (2 tín chỉ).

3. Mục tiêu của chương trình đào tạo

3.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ kế toán theo định hướng nghiên cứu được thiết kế hướng đến mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực có khả năng tổ chức, nghiên cứu, phân tích, đánh giá và xét đoán nghề nghiệp trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Học viên tốt nghiệp có khả năng đảm nhận vị trí giảng dạy kế toán, kiểm toán tại các trường đại học, cao đẳng; là chuyên gia nghiên cứu có khả năng khám phá, công bố các kiến thức mới trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán tại các viện, trung tâm nghiên cứu; là nhà quản lý có năng lực thiết kế, tổ chức, điều hành các công việc liên quan đến lĩnh vực kế

toán, kiểm toán tại các đơn vị hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp, các công ty đa quốc gia, các tập đoàn.

3.2 Mục tiêu cụ thể

PO 1	Có khả năng lựa chọn và vận dụng thích hợp kiến thức ngành kinh doanh và quản lý để hỗ trợ cho việc học tập, xử lý công việc và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán.
PO 2	Có khả năng nhận diện những yếu kém trong công việc thiết kế, tổ chức, vận hành công tác kế toán, kiểm toán tại các đơn vị và đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện nhằm hướng đến hiệu quả cao trong hoạt động của đơn vị.
PO 3	Có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề phức tạp thuộc lĩnh vực Kế toán - Kiểm toán.
PO 4	Có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động Kế toán - Kiểm toán; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.

4. Chuẩn đầu ra

4.1. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra	Mức độ *
PLO 1: Đưa ra nhận định, phán quyết của bản thân trong việc vận dụng thích hợp kiến thức ngành kinh tế và kinh doanh để hỗ trợ cho việc học tập, xử lý công việc và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán.	5
PLO 2: Độc lập và quyết đoán trong việc vận dụng kiến thức chuyên ngành để xử lý các vấn đề trong lĩnh vực kế toán trong môi trường hội nhập quốc tế về kế toán.	5
PLO 3: Kết nối các ý tưởng, kiến thức và phương pháp nghiên cứu khoa học để tìm ra các kiến thức mới có liên quan đến lĩnh vực kế toán.	5
PLO 4: Thể hiện khả năng xác định vấn đề nghiên cứu, thiết kế và thực hiện công việc nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán – kiểm toán.	4
PLO 5: Thể hiện khả năng nhận diện những yếu kém đối với công tác tổ chức và quản lý hoạt động trong nghề nghiệp kế toán và kiểm toán	4
PLO 6: Lựa chọn công nghệ thông tin tiên tiến nhằm phục vụ cho công việc nghiên cứu và yêu cầu phát triển của đơn vị	4
PLO 7: Xét đoán trong việc vận dụng các kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm để đánh giá và phản biện các quy định, chính sách liên quan đến lĩnh vực kế toán.	4

PLO 8: Thể hiện khả năng lập kế hoạch và thực hiện tự học, tự nghiên cứu suốt đời, khả năng tích lũy kinh nghiệm phát triển nghề nghiệp cá nhân	4
PLO 9: Phát triển đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ luật pháp và tiêu chuẩn nghề nghiệp và đóng góp vào sự phát triển bền vững của xã hội	4

* Ghi chú: *Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6), Dave: Kỹ năng (1-5), Krathwohl: Mức tự chủ và trách nhiệm/ Đạo đức trách nhiệm (1-5)*

4.2. Vị trí làm việc của người học sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình cao học kế toán, học viên có thể đảm nhận các vị trí công việc sau:

- Giảng dạy kế toán, kiểm toán tại các trường đại học, cao đẳng;
- Chuyên gia nghiên cứu có khả năng khám phá, công bố các kiến thức mới trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán tại các viện, trung tâm nghiên cứu;
- Nhà quản lý có năng lực thiết kế, tổ chức, điều hành các công việc liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán tại các đơn vị hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp, các công ty đa quốc gia, các tập đoàn.

4.3. Khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau tốt nghiệp

Bên cạnh đó, học viên còn có năng lực tiếp tục nghiên cứu học tập lên bậc tiến sĩ ở trong và ngoài nước trong lĩnh vực Kế toán – Kiểm toán.

4.4. Trình độ ngoại ngữ

Chứng chỉ ngoại ngữ được công nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ theo khung năng lực 6 bậc dành cho Việt Nam được quy định theo Phụ lục 3 Quyết định số 1393/QĐ-ĐHQG ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh: chứng chỉ ngoại ngữ đạt bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (Tương đương B2 theo CEFR) của các cơ sở đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQG – HCM công nhận. Ngoại ngữ đầu vào và đầu ra đối với mỗi người học phải cùng một ngôn ngữ.

5. Nội dung chương trình đào tạo

5.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

CTĐT cao học ngành Kế toán theo định hướng nghiên cứu được cấu trúc như sau:

Tổng số tín chỉ: 60 tín chỉ (Không bao gồm ngoại ngữ), trong đó:

- Khối kiến thức chung (bắt buộc): 7 tín chỉ
- Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 38
+ Các học phần bắt buộc: 20

+ Các học phần tự chọn: 18

- Luận văn thạc sĩ: 15 tín chỉ

5.2. Danh mục các học phần

TT	Mã HP	Học kỳ	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)		
				Tổng số	LT	TH, TN, TL
I. Khối kiến thức chung (bắt buộc)				7	7	
1	MFF1004	1	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh và quản lý Scientific research methods in Business and Management	3	3	
2	MUU1001	1	Triết học Philosophy	4	4	
II. Phần kiến thức cơ sở và ngành				38	38	
Các học phần bắt buộc				8	8	
3	MMA4001	2	Kinh tế lượng và ứng dụng Econometrics and Applications	3	3	
4	MAA4009	2	Kế toán tài chính nâng cao Advanced Financial Accounting	2	2	
5	MAU4012	3	Phân tích dữ liệu kế toán và kiểm toán nâng cao Advanced data analytics in accounting and auditing	3	3	
Các học phần chuyên đề bắt buộc				12	12	
6	MAU4001	1	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán và kiểm toán Scientific research methods in accounting and auditing	3	3	
7	MAA4002	1	Lý thuyết kế toán Accounting Theory	3	3	
8	MAU4003	2	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo Audit and Assurance	3	3	
9	MAU4007	3	Kế toán quản trị chiến lược	3	3	

			Strategic Management Accounting			
Các học phần tự chọn				18	18	
10	MEE4026	1	Kinh tế học quản lý Managerial economics	2	2	
11	MKB4019	1	Pháp luật về Công ty Corporate Law	2	2	
12	MBB4008	1	Quản trị chiến lược Strategic Management	2	2	
13	MAA4006	2	Kế toán khu vực công Public Sector Accounting	2	2	
14	MAU4008	2	Kế toán phòng ngừa rủi ro Hedging Accounting	2	2	
15	MFF4020	2	Tài chính quốc tế International Finance	2	2	
16	MAU4005	2	Báo cáo tài chính hợp nhất Consolidated financial statements	2	2	
17	MAU4011	3	Phân tích báo cáo tài chính Financial statement analysis	2	2	
18	MFF4015	3	Quản trị tài chính Financial Management	2	2	
19	MAA4014	3	Kế toán số Digital Accounting	2	2	
20	MFF4013	3	Quản trị rủi ro tài chính Financial risk management	2	2	
21	MAU4010	3	Kiểm soát nội bộ và quản trị công ty Internal control and corporate governance	2	2	
Luận văn						
22	MUU6002	4	Luận văn thạc sĩ Master thesis	15	15	
Tổng số tín chỉ				60		

5.3. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và các học phần

TT	HỌC KỲ	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO								
					PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]
1	1	MFF1004	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh và quản lý Scientific research methods in Business and Management	3	4		4	3				3	
2	1	MUU1001	Triết học Philosophy	4	4						3	3	
3	1	MAU4001	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán và kiểm toán Scientific research methods in accounting and auditing	3			4	3		3		3	
4	1	MAA4002	Lý thuyết kế toán Accounting Theory	3		4		3	3				3
5	1	MEE4026	Kinh tế học quản lý Managerial economics	2	4						3		3

6	1	MKB4019	Pháp luật về Công ty Corporate Law	2	4				3				3
7	1	MBB4008	Quản trị chiến lược Strategic Management	2	4				3			3	
8	1	MAA4006	Kế toán khu vực công Public Sector Accounting	2		4					4		4
9	2	MAU4003	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo Audit and Assurance	3		4	4		4			4	
10	2	MAA4009	Kế toán tài chính nâng cao Advanced Financial Accounting	2		5	5		4				4
11	2	MMA4001	Kinh tế lượng và ứng dụng Econometrics and Applications	3	5					4		4	
12	2	MAU4008	Kế toán phòng ngừa rủi ro Hedging Accounting	2		5					4		4
13	2	MFF4020	Tài chính quốc tế International Finance	2	5				4			4	

14	3	MAU4005	Báo cáo tài chính hợp nhất Consolidated financial statements	2		5					4		4
15	3	MAU4007	Kế toán quản trị chiến lược Strategic Management Accounting	3		5	5		4			4	
16	3	MAU4012	Phân tích dữ liệu kế toán và kiểm toán nâng cao Advanced data analytics in accounting and auditing	3		5			4	4		4	
17	3	MAU4011	Phân tích báo cáo tài chính Financial statement analysis	2		5			4		4	4	
18	3	MFF4015	Quản trị tài chính Financial Management	2	5						4		4
19	3	MAA4014	Kế toán số Digital Accounting	2		5			4	4		4	

20	3	MFF4013	Quản trị rủi ro tài chính Financial risk management	2	5				4				4
21	3	MAU4010	Kiểm soát nội bộ và quản trị công ty Internal control and corporate governance	2		5		4	4				4
22	4	MUU6002	Luận văn thạc sĩ Master thesis	15		5	5	4		4		4	4

6. Kế hoạch đào tạo

6.1. Thời gian đào tạo toàn khoá: 02 năm

6.2. Khung kế hoạch đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)			Đã học môn học trước
			Tổng	LT	TH, TN, TL	
I. Học kỳ 1			17			
Học phần bắt buộc			13			
1	MFF1004	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh và quản lý Scientific research methods in Business and Management	3	3		
2	MUU1001	Triết học Philosophy	4	4		
3	MAU4001	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán và kiểm toán Scientific research methods in accounting and auditing	3	3		
4	MAA4002	Lý thuyết kế toán Accounting Theory	3	3		
Học phần tự chọn (Chọn 2HP)			4	4		
5	MEE4026	Kinh tế học quản lý Managerial economics	2	2		
6	MKB4019	Pháp luật về Công ty Corporate Law	2	2		
7	MBB4008	Quản trị chiến lược Strategic Management	2	2		
II. Học kỳ 2			16	16		
Học phần bắt buộc			8	8		
8	MMA4001	Kinh tế lượng và ứng dụng Econometrics and Applications	3	3		

9	MAU4003	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo Audit and Assurance	3	3		
10	MAA4009	Kế toán tài chính nâng cao Advanced Financial Accounting	2	2		
Học phần tự chọn (Chọn 4HP)			8	8		
11	MAA4006	Kế toán khu vực công Public Sector Accounting	2	2		
12	MFF4015	Quản trị tài chính Financial Management	2	2		
13	MAU4008	Kế toán phòng ngừa rủi ro Hedging Accounting	2	2		
14	MFF4020	Tài chính quốc tế International Finance	2	2		
15	MAU4005	Báo cáo tài chính hợp nhất Consolidated financial statements	2	2		
III. Học kỳ 3			12	12		
Học phần bắt buộc			6	6		
16	MAU4007	Kế toán quản trị chiến lược Strategic Management Accounting	3	3		
17	MAU4012	Phân tích dữ liệu kế toán và kiểm toán nâng cao Advanced data analytics in accounting and auditing	3	3		
Học phần tự chọn (Chọn 3 HP)			6	6		
18	MAU4011	Phân tích báo cáo tài chính Financial statement analysis	2	2		
19	MAA4014	Kế toán số Digital Accounting	2	2		
20	MFF4013	Quản trị rủi ro tài chính Financial risk management	2	2		
21	MAU4010	Kiểm soát nội bộ và quản trị công ty Internal control and corporate governance	2	2		

IV. Học kỳ 4			15			
22	MUU6002	Luận văn thạc sĩ Master thesis	15	15		

7. Quy trình đào tạo

7.1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

Căn cứ Quyết định số 1393/QĐ-ĐHQG ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ.

Căn cứ Quyết định số 218/QĐ-ĐHQG ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 1393/QĐ-ĐHQG ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Quyết định số 393/QĐ-ĐHKTL ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Kinh tế - Luật.

Căn cứ Quyết định số 2986/QĐ-ĐHKTL ngày 01 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Kinh tế - Luật ban hành kèm theo Quyết định số 393/QĐ-ĐHKTL ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật.

7.2. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Phân bố thời gian đào tạo: theo khung kế hoạch đào tạo

Phương pháp dạy học tích cực được vận dụng và đưa ra kết luận cuối cùng. Phương pháp này giúp phát huy khả năng sáng tạo, sự chủ động và tính tích cực của người học.

Chương trình học, đề cương môn học, bài giảng, tài liệu học tập sẽ cung cấp cho người học trước môn học. Công việc kiểm tra, đánh giá cụ thể rõ ràng, và có thời gian cụ thể. Bên cạnh đó, các tình huống giả định, mang tính tư duy, suy luận, phân tích sẽ được cung cấp ở từng bài giảng, từng chương nhằm phát huy khả năng suy luận và tư duy logic cho học viên.

Phương pháp đánh giá đa dạng nhằm đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của môn học cũng như giúp học viên tự đánh giá khả năng tiếp thu và mức độ đáp ứng các chuẩn đầu ra của bản thân người học, bao gồm các phương pháp: tự đánh giá, đánh giá chéo, vấn đáp, kiểm tra viết, tình huống, ... Áp dụng các quy trình đánh giá để bảo đảm đến mức tối đa rằng các kế hoạch kiểm tra đánh giá đều có giá trị, đáng tin cậy, và được thực hiện một cách công bằng

7.3. Điều kiện tốt nghiệp

Học viên đáp ứng đủ các điều kiện theo Quyết định số 1393/QĐ-ĐHQG ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ và Quyết định số 393/QĐ-ĐHKTL ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Kinh tế - Luật.

Điều kiện tốt nghiệp có thể thay đổi theo Quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Luật và Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

7.4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Đánh giá đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được triển khai theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

8. Cách thức đánh giá

8.1. Đánh giá học phần

Căn cứ Điều 15 – Quyết định số 1393/QĐ-ĐHQG ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ.

8.2. Đánh giá luận văn

Căn cứ Điều 20 – Quyết định số 1393/QĐ-ĐHQG ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ.

9. Đội ngũ giảng dạy

9.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Ngành đào tạo	Học phần giảng dạy
1	Nguyễn Thị Cành	1954	GS.TS	Tài chính	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh và quản lý (hướng nghiên cứu)
2	Phạm Quốc Thuần	1974	PGS.TS	Kinh doanh & Quản lý	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán và kiểm toán; Báo cáo tài chính hợp nhất
3	Nguyễn Vĩnh Khương	1990	TS	Kinh doanh & Quản lý	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán và kiểm toán; Phân tích dữ liệu kế toán và kiểm toán nâng cao
4	Phạm Hoàng Uyên	1976	PGS.TS	Toán ứng dụng	Kinh tế lượng & ứng dụng
5	Hồ Xuân Thủy	1976	TS	Kinh doanh & Quản lý	Báo cáo tài chính hợp nhất; Kế toán tài chính nâng cao
6	Phan Đức Dũng	1967	PGS.TS	Kinh doanh & Quản lý	Báo cáo tài chính Hợp nhất; Phân tích báo cáo tài chính
7	Nguyễn Thanh Liêm	1985	TS	Kinh tế	Quản trị tài chính Quản trị rủi ro tài chính
8	Nguyễn Thị Khoa	1968	TS	Kinh tế	Phân tích báo cáo tài chính; Kế toán khu vực công
9	Trần Hùng Sơn	1981	PGS.TS	Kinh tế	Quản trị tài chính Quản trị rủi ro tài chính
10	Nguyễn Hoàng Diệu Hiền	1987	TS	Tài chính ngân hàng	Lý thuyết kế toán; Phân tích dữ liệu kế toán kiểm toán nâng cao
11	Hoàng Công Gia Khánh	1975	PGS.TS	Tài chính	Tài chính quốc tế

12	Nguyễn Tiến Dũng	1961	PGS.TS	Kinh tế học	Kinh tế học quản lý
13	Đỗ Phú Trần Tình	1979	PGS.TS	Kinh tế	Kinh tế học quản lý
14	Nguyễn Hồng Nga	1968	PGS.TS	Kinh tế học	Kinh tế học quản lý
15	Lê Vũ Nam	1969	PGS.TS	Luật học	Pháp luật về Công ty
16	Phạm Đức Chính	1959	PGS.TSKH	Kinh tế	Quản trị chiến lược
17	Hồ Trung Thành	1975	PGS.TS	Công nghệ thông tin	Kế toán số
18	Phạm Văn Chững	1960	TS	Toán ứng dụng	Kinh tế lượng và ứng dụng

9.2. Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Ngành đào tạo	Học phần giảng dạy
1	Nguyễn Thị Thanh Hà	1976	TS	Triết học	Triết học
2	Nguyễn Thị Thu Hiền	1967	TS	Kinh doanh & Quản lý	Kế toán phòng ngừa rủi ro; Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo
3	Nguyễn Thị Lan Anh	1969	TS	Quản trị tài chính	Kế toán phòng ngừa rủi ro; Kế toán quản trị chiến lược
4	Trần Thị Giang Tân	1958	PGS.TS	Kinh doanh & Quản lý	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo
5	Nguyễn Xuân Hưng	1966	PGS.TS	Kinh doanh & Quản lý	Kế toán tài chính nâng cao
6	Nguyễn Ngọc Khánh Dung	1982	TS	Kinh doanh & Quản lý	Kế toán quản trị chiến lược

7	Đặng Văn Cường	1982	TS	Kinh tế	Kế toán khu vực công
8	Đặng Đình Tân	1969	TS	Kinh doanh & quản lý	Kiểm soát nội bộ và quản trị công ty; Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo
9	Trần Khánh Lâm	1975	TS	Kinh doanh & quản lý	Kiểm soát nội bộ và quản trị công ty; Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo
10	Đồng Quang Chung	1978	TS	Kinh doanh & quản lý	Kế toán số
11	Dương Anh Sơn	1964	PGS.TS	Luật học	Pháp luật về Công ty

10. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

10.1 Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo

TT	Hạng mục	Số lượng (phòng)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	111	19.367
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	2.611
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	14	2.240
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	68	13.241,5
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	4	240
1.5	Số phòng học đa phương tiện	6	720
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	17	314,5
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	1.728
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở vật thực hành, thực tập, luyện tập	8	12.433
	Tổng	120	33.528

10.2. Học liệu

TT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Phân tích dữ liệu: áp dụng mô hình PLS – SEM	Nguyễn Minh Hà, Vũ Hữu Thành	NXB Kinh tế Tp.HCM, 2021	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán và kiểm toán	MAU4014	HK1	
2	Kế toán hành chính sự nghiệp	Bộ Tài chính	NXB Tài chính., 2024.	Kế toán khu vực công	MAA4006	HK2	
3	Tài chính quốc tế	GS.TS Nguyễn Thị Cảnh	Cengage	Tài chính quốc tế	MFF4020	HK2	
4	Fundamental Accounting Principles – 18 th	John J. Wild, Kermit D. Larson, Barbara Chiappetta	McGraw-Hill Irwin Companies, Inc, 2020.	Kế toán phòng ngừa rủi ro	MAU4008	HK2	
5	Quản trị tài chính	GS.TS Nguyễn Thị Cảnh TS Nguyễn Anh Phong	Cengage	Quản trị tài chính	MFF4015	HK2	

6	Kiểm toán Auditing A risk – based approach, 11th edition	Trần Thị Giang Tân Johnstone, Gramling, Rittenberg	NXB Kinh tế - TP.HCM, 2021 Cengage, 2018.	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo	MAU4003	HK2	
7	Management Accounting – 9th Edition	Langfield-Smith, Smith, Andon, Hilton, Thorne	McGraw-Hill Education, 2020 (Australia)	Kế toán quản trị chiến lược	MAU4007	HK3	
8	Kiểm soát nội bộ	Trần Thị Giang Tân	NXB Kinh tế. TP HCM, 2021	Kiểm soát nội bộ và quản trị công ty	MAU4010	HK3	
9	Accounting Information Systems:	Marshall B. Romney, Paul J. Steinbart, Scott L. Summers, & David A. Wood.	Global Edition, 2021	Kế toán số	MAA4014	HK3	
10	Phân tích báo cáo tài chính	Nguyễn Năng Phúc	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2021, Việt Nam	Phân tích báo cáo tài chính	MAU4011	HK3	
11	Python for Accounting and Finance: An Integrative Approach to Using Python for Research.	Kumar, S.	Cham: Springer Nature Switzerland. (2024).	Phân tích dữ liệu kế toán và kiểm toán nâng cao	MAU4012	HK3	
12	Giáo trình Triết học		NXB Chính trị quốc gia. 2021	Triết học	MUU1001	HK1	

13	Phương pháp NCKH	GS.TS Nguyễn Thị Cảnh	ĐHQG-HCM	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh và quản lý	MFF1004	HK1	
14	Financial Accounting Theory (8th Edition)	William R. Scott and Patricia O'Brien	Pearson, 2020	Lý thuyết kế toán	MAA4002	HK1	
15	Kinh tế học ứng dụng trong quản trị doanh nghiệp	Edwin Mansfield	NXB Thống Kê	Kinh tế học quản lý	MEE4026	HK1	
16	Giáo trình Pháp luật về Chủ thể Kinh doanh	Trường Đại học Luật TP. HCM	Nhà xuất bản Hồng Đức, 2021	Pháp luật về công ty, 2021	MKB4019	HK1	
17	Quản trị chiến lược. Khái luận và các tình huống trong doanh nghiệp, Bản dịch: Kinh doanh Quốc tế Hiện đại	Fred R.David.	NXB Đại học Kinh tế TP. HCM.	Quản trị chiến lược, 2020	MBB4008	HK1	
18	Giáo trình Kinh tế lượng	Lê Hồng Nhật, Phạm Văn Chững, Phạm Hoàng Uyên, Võ Thị Lệ Uyên, & Lê Thanh Hoa. (2019)	NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2019	Kinh tế lượng và ứng dụng	MMA4001	HK2	

19	Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.	Bộ Tài chính	NXB Tài chính, 2021	Kế toán tài chính nâng cao	MAA4009	HK2	
20	Hướng dẫn lập báo cáo tài chính hợp nhất (theo VAS và IFRS).	NXB Kinh tế TP.HCM.	Đặng Thế Hòa, 2021.	Báo cáo tài chính hợp nhất	MAU4005	HK2	
21	Quantitative financial risk management,	John Wiley & Sons, Inc., Hoboken, New Jersey.	Miller, M. B, 2019	Quản trị rủi ro tài chính	MFF4013	HK3	

11. Kế hoạch bảo đảm chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo

- Về bảo đảm chất lượng:

Xây dựng và cập nhật CTĐT, thực hiện đánh giá các CTĐT theo tiêu chuẩn Bộ GD&ĐT; Tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan: nhà tuyển dụng, cựu SV, người học... về hoạt động đào tạo; Biên soạn, cập nhật giáo trình, bài giảng để bổ sung tài liệu học tập; Đổi mới PPGD, phương pháp đánh giá phù hợp; Phối hợp lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy, xử lý kết quả để cải thiện chất lượng công tác giảng dạy; Phối hợp tổ chức kiểm tra, thi đúng quy định và đảm bảo nghiêm túc, an toàn; Tổ chức hoặc đồng tổ chức hoặc tham gia tổ chức các hội thảo khoa học chuyên Ngành có sự tham gia của các doanh nghiệp và các nhà khoa học uy tín để trao đổi kinh nghiệm; Lập kế hoạch hàng năm về mục tiêu chất lượng và đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu chất lượng; Tuyển dụng thêm các GV có trình độ chuyên môn cao, đảm bảo đủ tiêu chuẩn giảng dạy và nghiên cứu

- Về kiểm định chương trình: Theo kế hoạch chung của Trường

12. Mô tả vắn tắt nội dung học phần, khối lượng các học phần và luận văn

TT	Học phần	Tín chỉ	Học phần tiên quyết	Mô tả môn học
1	Triết học	4TC	Không	Môn học trang bị cho học viên những nội dung chuyên sâu về thế giới quan, phương pháp luận triết học. Giúp người học vận dụng những tri thức về thế giới quan, phương pháp luận triết học một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, nhằm giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra.
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh và quản lý	3 TC	Không	Phương pháp nghiên cứu khoa học được giảng dạy với các nội dung chính: tìm hiểu tổng quan về nghiên cứu khoa học; các bước tiến hành một nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu định lượng; phương pháp nghiên cứu định tính; phương pháp nghiên cứu hỗn hợp; phương pháp thiết kế nghiên cứu; phương pháp xây dựng thang đo; phương pháp thu thập mẫu; Phương pháp trình bày báo cáo nghiên cứu.

3	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán và kiểm toán	3 TC	Không	Chuyên đề nghiên cứu 1: nghiên cứu khoa học trong kế toán kiểm toán bao gồm hai nội dung chính: Phần 1: Trình bày những Phương pháp nghiên cứu khoa học thường được sử dụng trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Xu hướng nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán kiểm toán. Phần 2: Môn học còn cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về phương pháp định lượng trong kế toán; trang bị những kỹ năng phân tích định lượng trong nghiên cứu khoa học và phân tích thực tiễn. Cụ thể Phân tích với dữ liệu sơ cấp; Phân tích cấu trúc tuyến tính; Phân tích hồi quy dữ liệu bảng.
4	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo	3 TC	Không	Nội dung môn học bao gồm những kiến thức liên quan khái niệm, nguyên tắc kiểm toán chuyên sâu và vận dụng giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến tổ chức công tác kiểm toán – cụ thể là kiểm toán độc lập trong nền kinh tế hiện nay. Môn học cũng cập nhật những vấn đề đương thời của ngành kiểm toán và các hướng nghiên cứu mới trong ngành.
5	Kế toán quản trị chiến lược	3 TC	Không	Môn Kế toán quản trị chiến lược hướng đến các nội dung thuộc kế toán quản trị chiến lược và nghiên cứu về kế toán quản trị được giảng dạy với các nội dung chính: lập dự toán, xây dựng định mức để kiểm soát chi phí, lập các báo cáo quản trị và đánh giá thành quả hoạt động của doanh nghiệp.
6	Kế toán số	2 TC	Không	Nội dung chính của môn học bao gồm các vấn đề về phân tích và đánh giá sự ảnh hưởng của công nghệ thông tin đối với công tác kế toán, tổ chức kiểm soát hệ thống kế toán trong môi trường hệ thống thông tin, môi trường ERP; tổ chức phân tích, thiết kế, kiểm soát và đánh giá quá trình vận hành hệ thống thông tin kế toán, và các vấn đề tổ chức và cải tiến các qui trình kinh doanh trong doanh nghiệp nhằm đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của trong quản trị và điều hành.

				Môn học mang tính liên ngành cao và được xem là cầu nối liên kết các môn học khác thuộc chuyên ngành kế toán, giúp cho người học có thể phối hợp vận dụng kiến thức đã học trong công tác vận hành, quản trị doanh nghiệp dựa trên nền tảng hệ thống thông tin và trong nghiên cứu chuyên sâu.
7	Lý thuyết kế toán	3 TC	Không	Môn học bao gồm các kiến thức chuyên sâu về lý thuyết kế toán, cụ thể: Khuôn mẫu lý thuyết thông tin tài chính và quá trình hình thành khuôn mẫu; Tổng quan về lý thuyết kế toán, Các phương pháp tiếp cận của lý thuyết kế toán; Khuôn mẫu lý thuyết kế toán; Cấu trúc lý thuyết kế toán; Các phương pháp tính giá trong kế toán. Môn học này có quan hệ mật thiết với môn Kế toán tài chính nâng cao với vai trò lý giải và phân biệt các nguyên tắc chi phối các hệ thống kế toán tài chính hiện hành.
8	Báo cáo tài chính hợp nhất	2 TC	Không	Môn học đảm bảo cho người học những kiến thức nền tảng về hợp nhất kinh doanh và lập BCTC HN như: HNKD theo phương pháp mua, xử lý các giao dịch nội bộ, áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh. Đồng thời mở rộng kiến thức về kế toán hợp nhất kinh doanh và lập BCTC HN liên quan một số các vấn đề phức tạp như rủi ro và phòng ngừa rủi ro TGHD, chuyển đổi và hợp nhất BCTC được lập bằng ngoại tệ.
9	Kế toán tài chính nâng cao	2 TC	Không	Môn học đảm bảo cho người học những hiểu biết chuyên sâu về kế toán tài chính theo quy định của VN, áp dụng những nguyên tắc ghi nhận, đánh giá để xử lý các giao dịch phức tạp trong doanh nghiệp và trình bày, công bố các khoản mục liên quan đến các giao dịch phức tạp trên báo cáo tài chính. Đồng thời, môn học cũng cung cấp cho người học những vấn đề đang được nghiên cứu phổ biến trong lĩnh vực kế toán tài chính chủ yếu liên quan đến Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, chất lượng BCTC...

10	Phân tích dữ liệu kế toán và kiểm toán nâng cao	3 TC	Không	Môn học sẽ cung cấp kiến thức về ngôn ngữ lập trình python và ứng dụng vào trực quan hóa một số dữ liệu kế toán, kiểm toán, đồng thời phân tích dữ liệu kế toán kiểm toán. Đầu tiên môn học giới thiệu sơ lược ngôn ngữ lập trình Python thông qua các biến, các dạng dữ liệu, cách sử dụng vòng lặp, và một số hàm, thư viện cần thiết. Tiếp theo, việc đọc dữ liệu thông qua bảng biểu, file Excel, CSV hay bất kỳ loại dữ liệu dạng bảng khác cần phải được thực hiện. Sau đó, thao tác làm sạch dữ liệu, chuẩn bị dữ liệu ở trạng thái sẵn sàng cho việc trực quan rất cần thiết. Vấn đề trực quan hóa dữ liệu được thực hiện giúp chuyển dữ liệu thô sơ thành các biểu đồ dễ sử dụng, dễ hình dung. Việc phân tích dữ liệu giúp ích cho người dùng có thể phân tích một số dữ liệu phục vụ công tác kế toán kiểm toán tốt hơn.
11	Kế toán phòng ngừa rủi ro	2 TC	Không	Môn học gồm 8 chương có các nội dung về kế toán trong công ty đa quốc gia và báo cáo hợp nhất. Học viên xử lý được các vấn đề kế toán quốc tế chuyên sâu trong các công ty hợp doanh, công ty cổ phần cũng như hoạt động đầu tư quốc tế.
12	Kiểm soát nội bộ và quản trị công ty	2 TC	Không	Môn học Kiểm soát và kiểm toán nội bộ bao gồm các nội dung chính: tổng quan về kiểm toán nội bộ, bao gồm các khái niệm, nguyên tắc; khung chuẩn mực kiểm toán nội bộ quốc tế. Môn học còn thảo luận các vấn đề liên quan đến cơ chế quản trị doanh nghiệp; quản lý rủi ro; hệ thống kiểm soát nội bộ; các quy trình kinh doanh và rủi ro; gian lận và vai trò của hoạt động kiểm toán nội bộ đối với các nội dung trên.
13	Kế toán khu vực công	2 TC	Không	Môn Kế toán công được giảng dạy với các nội dung chính như sau: tổng quan về kế toán công (tài chính công và hệ thống quản lý tài chính nhà nước, thu – chi NSNN, khái quát về hệ thống kế toán công, kế toán công trong các đơn vị HCSN); kế toán các phân hành cơ bản trong các đơn vị HCSN; đặc điểm hệ thống chứng từ và sổ kế toán trong các đơn vị HCSN; hệ thống báo

				cáo kế toán (BCTC và báo cáo quyết toán NSNN).
14	Pháp luật về Công ty	2 TC	Không	Pháp luật về Công ty là môn học được dạy ở bậc cao học, tập trung vào các chủ đề có tính chất nền tảng lý thuyết xoay xung quanh các tính chất cơ bản của công ty, trong đó có tính trách nhiệm hữu hạn và tư cách pháp nhân, lý thuyết đại diện (agency problem), và chủ đề có liên quan là quản trị công ty (corporate governance). Môn học cung cấp các kiến thức chuyên sâu về thành lập công ty và các loại hình công ty khác nhau, nghĩa vụ của người quản lý, điều hành và các mô hình quản trị công ty khác nhau theo pháp luật Việt Nam. Môn học cũng giới thiệu về các kỹ năng nghiên cứu pháp lý và đề cao tính nguyên gốc trong hoạt động nghiên cứu, trong đó đặt ra vấn đề về dẫn nguồn và tránh đạo văn trong soạn thảo.
15	Tài chính quốc tế	2 TC	Không	Môn Tài chính quốc tế giới thiệu về cấu tạo, cơ chế vận hành và hoạt động các hệ thống thị trường tài chính quốc tế; mối quan hệ qua lại trong lĩnh vực tài chính – tiền tệ như tỷ giá hối đoái, lãi suất, lạm phát, thu nhập, cán cân thanh toán... cũng như kiến thức về quản trị rủi ro tỷ giá, các chế độ tỷ giá và các chính sách tỷ giá, chu chuyển vốn quốc tế và cán cân thanh toán quốc tế, đồng thời cung cấp các kiến thức có liên quan đến vai trò, vị trí và ảnh hưởng của tài chính quốc tế đến các hoạt động của các doanh nghiệp, công ty nhất là công ty đa quốc gia.
16	Quản trị chiến lược	2 TC	Không	Ở trình độ đại học học viên đã được trang bị kiến thức cơ bản của môn học. Sang trình độ cao học, môn học sẽ cung cấp những kiến thức nâng cao về nguyên lý quản trị chiến lược và vận dụng nó vào thực tiễn phát triển chiến lược trong doanh nghiệp bao gồm các công việc như hoạch định sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu và chiến lược; tổ chức thực hiện chiến lược; kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược của doanh nghiệp. Trong đó chú trọng đến việc xây dựng và phát triển lợi

				thể cạnh tranh, tư duy và kỹ năng xây dựng các ma trận để hỗ trợ việc xây dựng và lựa chọn chiến lược.
17	Phân tích báo cáo tài chính	2 TC	Không	Phân tích BCTC được giảng dạy với các nội dung chính như sau: tổng quan về phân tích BCTC; đánh giá tình hình tài chính; phân tích cấu trúc tài chính, khả năng thanh toán và rủi ro của doanh nghiệp; dự báo về lợi nhuận và dòng tiền trong tương lai của doanh nghiệp.
18	Kinh tế học quản lý	2 TC	Không	Môn học giúp người học hiểu được các nguyên lý để thúc đẩy mục tiêu của tổ chức cũng như hiểu biết tốt hơn về môi trường kinh doanh bên ngoài, những vấn đề mà các nhà quản lý phải đối mặt trong phạm vi chức năng của tổ chức cũng như các chiến lược mà họ phải tính đến. Ngoài ra, người học cũng sẽ được áp dụng các kỹ thuật phân tích và công cụ định lượng để kết nối các khái niệm đã học đến việc đo lường và đưa ra quyết định.
19	Kinh tế lượng ứng dụng	3 TC	Không	Cung cấp cho học viên kỹ thuật đo lường và ước lượng về mặt thống kê mối quan hệ giữa các biến số kinh tế cũng như dự đoán tương lai dựa trên cơ sở của những phân tích khoa học về dữ liệu đã thu thập được
20	Quản trị rủi ro tài chính	2 TC	Không	Cung cấp những kiến thức cơ bản và nền tảng về rủi ro và phương pháp đánh giá, quản trị rủi ro trong lĩnh vực tài chính. Đây là môn học cốt lõi của ngành Tài chính – Ngân hàng, là môn học nền tảng bổ trợ kiến thức cho các môn chuyên ngành như: quản trị tài chính, tài chính định lượng và đầu tư tài chính
21	Quản trị tài chính	2 TC	Không	Môn học Quản trị tài chính cung cấp những kiến thức cơ bản về các chủ đề định giá chứng khoán, quyết định tài trợ và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp. Các nội dung bao quát trong chương trình gồm: lý thuyết xác định quan hệ giữa rủi ro và tỷ suất lợi nhuận yêu cầu của các tài sản đầu tư, chi phí vốn và định giá chứng khoán, các lý thuyết cấu trúc vốn và chính sách

				cổ tức của doanh nghiệp và quyết định tài trợ dài hạn.
22	Luận văn thạc sĩ	15 TC	Không	Đánh giá năng lực tiếp thu kiến thức và chuyển hóa các kiến thức trong chủ đề nghiên cứu. Thể hiện tư duy, khả năng tổng hoát hóa và ứng dụng các lý thuyết vào thực tiễn có tính sáng tạo, phê phán. Theo quy định của Khoa và của trường về nội dung và hình thức.

TRƯỞNG KHOA**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG****Hồ Xuân Thủy****Lê Vũ Nam**

PHỤ LỤC
VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ, CHỨNG NHẬN NGOẠI NGỮ ĐƯỢC CÔNG
NHẬN ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

*(Kèm theo Quyết định số 1393/QĐ-ĐHQG ngày 03 tháng 11 năm 2021
của Giám đốc Đại học Quốc gia HCM)*

1. Văn bằng được công nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ

Theo Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ hiện hành của Giám đốc ĐHQG-HCM.

2. Chứng chỉ được công nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ theo khung năng lực 6 bậc dành cho Việt Nam

a) Chứng chỉ trong nước

Học viên có chứng chỉ ngoại ngữ đạt bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (tương đương B2 theo CEFR) của các CSĐT được Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQG-HCM công nhận.

b) Chứng chỉ quốc tế

TT	Ngoại ngữ	Chứng chỉ	Thang điểm tối thiểu B2
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	46
		IELTS	5.5
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 400, Đọc: 385 Nói: 160, Viết: 150
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 400 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	JLPT N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-2
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên